

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN
HÀ GIANG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC
SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20

01
C
TRÁC
D
VI
16

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Ma Ngọc Tiến	Chủ tịch
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Phạm Thành Đô	Thành viên
Ông Đào Xuân Tuất	Thành viên
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên
Ông Tạ Hồng Thăng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2012)
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2012)
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2012)
Ông Tô Huy Vũ	Thành viên (miễn nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2012)

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Giám đốc
Ông Đào Xuân Tuất	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

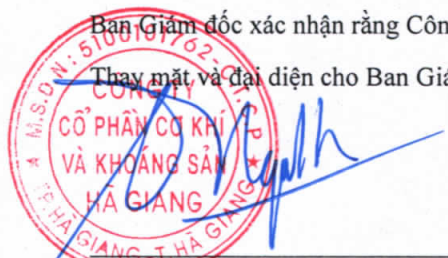
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

Ngày 02 tháng 8 năm 2012

Số: 186 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 03 đến trang 20. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 8 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		255.727.661.264	222.450.297.275
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	146.868.957.667	175.868.218.273
1. Tiền	111		16.617.203.416	3.387.664.493
2. Các khoản tương đương tiền	112		130.251.754.251	172.480.553.780
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		60.000.000.000	20.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	60.000.000.000	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.445.867.418	14.060.403.063
1. Phải thu khách hàng	131		24.722.051.193	11.276.600.172
2. Trả trước cho người bán	132		4.320.633.336	984.887.514
3. Các khoản phải thu khác	135	6	4.752.169.022	2.147.901.510
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(348.986.133)	(348.986.133)
IV. Hàng tồn kho	140	7	14.973.148.902	12.215.163.510
1. Hàng tồn kho	141		14.973.148.902	12.215.163.510
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		439.687.277	306.512.429
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		439.687.277	306.512.429
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		36.887.886.537	31.906.147.490
I. Tài sản cố định	220		27.558.405.620	25.670.836.326
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	21.085.336.347	19.145.024.431
- Nguyên giá	222		38.021.511.430	33.887.801.430
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.936.175.083)	(14.742.776.999)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	2.334.579.304	2.387.321.926
- Nguyên giá	228		5.130.031.356	5.130.031.356
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.795.452.052)	(2.742.709.430)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		4.138.489.969	4.138.489.969
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	8.100.000.000	5.100.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		8.100.000.000	5.100.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.229.480.917	1.135.311.164
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		456.609.550	362.439.797
2. Tài sản dài hạn khác	268		772.871.367	772.871.367
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		292.615.547.801	254.356.444.765

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		52.879.873.023	58.727.811.938
I. Nợ ngắn hạn	310		52.466.229.719	58.387.231.816
1. Phải trả người bán	312		3.734.858.063	5.286.608.748
2. Người mua trả tiền trước	313		3.963.200.000	3.963.200.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	19.361.196.359	14.931.837.281
4. Phải trả người lao động	315		1.260.746.800	2.312.935.500
5. Chi phí phải trả	316		876.023.562	1.808.934.310
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	19.096.986.537	19.114.330.728
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.173.218.398	10.969.385.249
II. Nợ dài hạn	330		413.643.304	340.580.122
1. Phải trả dài hạn khác	333		9.000.000	9.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		404.643.304	331.580.122
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		239.735.674.778	195.628.632.827
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	239.735.674.778	195.628.632.827
1. Vốn điều lệ	411		63.000.000.000	63.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.500.000.000	4.500.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		56.153.219.237	56.153.219.237
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.706.929.283	4.706.929.283
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.103.464.642	1.103.464.642
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		110.272.061.616	66.165.019.665
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		292.615.547.801	254.356.444.765

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2012	31/12/2011
1. Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	1.181.616,81	1.178.220,69
Nhân dân Tệ (CNY)	2.937	22.439,66



Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

Ngày 02 tháng 8 năm 2012

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
1. Doanh thu bán hàng	01	14	92.374.049.160	98.392.075.382
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01-02)	10		92.374.049.160	98.392.075.382
4. Giá vốn hàng bán	11	15	25.058.986.373	20.485.413.060
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10-11)	20		67.315.062.787	77.906.662.322
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	12.045.983.210	10.156.085.963
7. Chi phí bán hàng	24		373.109.486	312.835.434
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.824.917.201	3.297.612.476
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21-(24+25)}	30		75.163.019.310	84.452.300.375
10. Thu nhập khác	31		28.763.046	247.964.861
11. Chi phí khác	32	17	3.538.163.193	372.877.599
12. (Lỗ) khác (40 = 31-32)	40		(3.509.400.147)	(124.912.738)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		71.653.619.163	84.327.387.637
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	5.330.417.109	5.733.976.016
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60		66.323.202.054	78.593.411.621
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	10.527	13.099



Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

Ngày 02 tháng 8 năm 2012

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	71.653.619.163	84.327.387.637
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.246.140.706	840.550.585
- Các khoản dự phòng	03	-	(50.000.000)
- (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(1.971.312.044)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(12.045.983.210)	(5.809.060.630)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	61.853.776.659	77.337.565.548
- Biến động các khoản phải thu	09	(15.260.295.514)	(8.347.635.908)
- Biến động hàng tồn kho	10	(2.757.985.392)	(1.663.028.956)
- Biến động các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.457.092.928)	1.211.994.793
- Biến động chi phí trả trước	12	(94.169.753)	37.292.740
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.925.096.245)	(2.661.390.549)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(10.112.326.954)	(3.768.321.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29.246.809.873	62.146.476.368
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.133.710.000)	(799.133.361)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	81.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(60.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.000.000.000	32.400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.000.000.000)	-
6. Thu lãi tiền gửi và cho vay	27	7.787.639.521	4.874.254.814
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(39.346.070.479)	36.556.939.635
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.900.000.000)	(24.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.900.000.000)	(24.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(28.999.260.606)	74.703.416.003
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	175.868.218.273	59.883.384.366
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.971.312.044
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	146.868.957.667	136.558.112.413



Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

Ngày 02 tháng 8 năm 2012

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính